

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020.

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Tuyết.

2. Bà: Cam Thị Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/ QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T; địa chỉ: Số nhà 30, đường L , tổ 13, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đào Ngọc L; địa chỉ: SN 32, phố H, tổ 13, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/12/2019, bản tự khai ngày 07/02/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh L đăng ký kết hôn ngày 29/01/2010, tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, đến cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh L không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, anh L nói đi làm ở Hà Nội để kiếm tiền nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi hai con và cũng không liên lạc với vợ con. Sau nhiều lần xô sát được gia đình hòa giải, anh chị tiếp tục chung sống cùng nhau vào năm 2017, 2018 nhưng anh L vẫn không có trách nhiệm với gia đình, không cùng chị chăm sóc nuôi dạy con cái, hơn nữa anh L còn có quan hệ tình cảm với người khác. Đến đầu năm 2019 anh L về Hà Nội làm ăn từ đó không liên lạc với chị, không có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung. Do đó, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung anh chị có 02 con chung cháu Đào Xuân H; sinh ngày 24/8/2010 và cháu Đào Quốc H, sinh ngày 26/5/2014. Ly hôn chị T đề nghị là người được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu H theo mức 2.000.000,đ/1tháng đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 29/4/2020 bị đơn anh Đào Ngọc L xác nhận: Vợ chồng đăng ký ngày 31/01/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tự nguyện kết hôn và chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây do kinh tế nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2016 đến năm 2017 do công việc làm ăn không may bị thua lỗ nên vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn chủ yếu liên quan đến vấn đề tài chính, anh L xác nhận thời gian trong năm 2019 anh không gửi tiền về nhà nuôi con và không về nhà, anh khẳng định thời gian anh ở Hà Nội không có quan hệ tình cảm với ai. Nay điều kiện của anh cũng đã tạm ổn, anh L có hướng sẽ về để làm việc và ở cùng gia đình, anh vẫn còn tình cảm với vợ, yêu thương các con, anh không muốn các con sống thiếu tình cảm của bố mẹ, do vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Đào Xuân H, sinh ngày 24/8/2010 và cháu Đào Quốc H, sinh ngày 26/5/2014. Trường hợp phải ly hôn anh L đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa:

Chị Tám giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh L, nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Anh L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do không đưa ra được quan điểm về việc giải quyết vụ án.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật, thủ tục phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại 70, 71 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Xét thấy đây là vụ án xin ly hôn và nuôi con chung quy định tại khoản 1 Điều 28- BLTTDS. Vì vậy Tòa án nhân dân TP H thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39- BLTTDS.

+ Về QHHN: Chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56- Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

+ Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung là cháu Đào Xuân H; sinh ngày 24/8/2010 và cháu Đào Quốc H, sinh ngày 26/5/2014. Ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy, chị T có công việc và thu nhập ổn định từ lương, có điều kiện để nuôi dưỡng hai con, đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, nên giao cháu H và cháu H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc anh L phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con cùng chị T là phù hợp.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147 Bộ luật TTDS; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với anh L;

Về con chung: Giao cháu Đào Xuân H, sinh ngày 24/8/2010 và cháu Đào Quốc H, sinh ngày 26/5/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H với mức 2.000.000,đ/tháng (*Hai triệu đồng*) đến khi cháu H trưởng thành và có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T và anh L cùng cư trú tại tổ 13, phường T, thành phố H. Chị T có đơn xin ly hôn anh L, theo quy định tại Điều 28, điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đào Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Vũ Thị T và anh Đào Ngọc L đăng ký kết hôn ngày 30/01/2010, có đăng ký tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

[3.2]. Lý do chị T xin ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh L đi làm ăn ở Hà Nội nhưng không có đóng góp giúp đỡ về kinh tế cho chị T trong việc nuôi dạy con cái, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, anh L còn có quan hệ tình cảm với người khác. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống chị T và anh L không có hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không khắc phục được tình cảm. Bản thân anh L cũng thừa nhận anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, hay bất đồng quan điểm. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng giữa hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Tại bản tự khai cũng như tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải anh L không nhất trí ly hôn, đề nghị chị T quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên anh L thường xuyên không có mặt ở nơi cư trú, không đóng góp kinh tế cùng chị T nuôi con, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con tình cảm vợ chồng không cải thiện được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau này cho cả hai bên. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tám, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh L đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Về con chung: Vợ chồng chị T và anh L có 02 con chung là cháu Đào Xuân H, sinh ngày 24/5/2010 và cháu Đào Quốc H, sinh ngày 26/5/2014. Hiện tại cháu H và cháu H đang ở cùng chị T, nay chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu, yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu H với mức 2.000.000,đ/1tháng cho đến khi cháu H trưởng thành. Căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên thấy rằng chị T hiện là giáo viên có thu nhập ổn định từ lương, có thời gian chăm sóc các con; cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L cũng có yêu cầu được nuôi hai con nhưng anh L không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc nuôi con của mình là có căn cứ, không có mặt tại nơi cư trú, nên không có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của anh Long về việc nuôi con chung. Anh L là lao động tự do, không xác nhận được mức thu nhập. Nhưng anh L vẫn phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con nên buộc anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là phù hợp.

[3.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3.5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 207, khoản 1 Điều 227; Khoản 4, Điều 147; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Vũ Thị T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Đào Ngọc L.

3. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đào Xuân H, sinh ngày 24/5/2010 và cháu Đào Quốc H, sinh ngày 26/5/2014 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H với mức 2.000.000,đ/1tháng (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử vụ án ngày 30/6/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, chị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Anh L có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 01484 ngày 03/02/2020. Anh L phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phườngT;
- Các đương sự;
- C.C THA TP;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình

